



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**QCVN 01-53 : 2024/BNNPTNT**

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA  
VỀ CHẤT LƯỢNG HẠT GIỐNG NGÔ LAI**

*National Technical Regulation on Seed Quality of Hybrid Maize*

**HÀ NỘI - 2024**

## **QCVN 01-53 : 2024/BNNPTNT**

### **Lời nói đầu**

QCVN 01-53 : 2024/BNNPTNT do Cục Trồng trọt biên soạn và trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành theo Thông tư số ... /2024/TT-BNNPTNT ngày ... tháng ... năm 2024.

QCVN 01-53 : 2024/BNNPTNT thay thế QCVN 01-53: 2011/BNNPTNT do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Thông tư số 45/2011/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 6 năm 2011.

# QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG HẠT GIỐNG NGŨ LAI

## *National Technical Regulation on Seed Quality of Hybrid Maize*

### I. QUY ĐỊNH CHUNG

#### 1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu quản lý đối với chất lượng hạt giống ngô lai thuộc loài *Zea mays* L. Mã HS 1005.10.00. (Theo thông tư số 11/2021/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2021)

#### 1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến sản xuất, nhập khẩu và buôn bán hạt giống ngô lai thuộc loài *Zea mays* L. tại Việt Nam.

#### 1.3. Giải thích từ ngữ

1.3.1. Dòng thuần: là dòng tự thụ phấn đạt đến mức đồng nhất về di truyền hay dòng đơn bội kép.

1.3.2. Giống ngô lai: là giống ngô được tạo thành do quá trình lai giữa bố, mẹ là hai dòng thuần (lai đơn) hoặc lai giữa bố, mẹ là một dòng thuần và một lai đơn (lai ba) hoặc lai giữa bố, mẹ là hai lai đơn (lai kép).

1.3.3. Tiền kiểm: là việc gieo trồng mẫu của lô giống trên ô thí nghiệm đồng ruộng để kiểm tra tính đúng giống và độ thuần trước khi lô giống đó được cấp giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật hoặc trước khi lập báo cáo đánh giá hợp quy.

- Lô hạt giống: lượng hạt giống cụ thể có cùng nguồn gốc và mức chất lượng, được sản xuất, chế biến, bảo quản cùng một quy trình, có thể nhận biết được một cách dễ dàng và có khối lượng tối đa 40 tấn.

#### 1.4. Tài liệu viện dẫn

- TCVN 8547:2011 Giống cây trồng - Phương pháp kiểm tra tính đúng giống và độ thuần của lô hạt giống.
- TCVN 8548:2011 Hạt giống cây trồng - Phương pháp kiểm nghiệm.
- TCVN 8550:2018 Giống cây trồng - Phương pháp kiểm định ruộng giống.
- TCVN 13607:2-2022 Giống cây trồng nông nghiệp sản xuất hạt giống- Phần 2: Hạt giống ngô lai
- Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ.
- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.
- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ.
- Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ.
- Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Thông tư số 11/2021/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

## QCVN 01-53 : 2024/BNNPTNT

- Thông tư số 26/2019/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

## II. QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT

### 2.1. Ruộng sản xuất giống

#### 2.1.1. Yêu cầu chung

Ruộng nhân dòng bố, mẹ và ruộng sản xuất hạt giống ngô lai F<sub>1</sub> phải sạch cỏ dại và các cây trồng khác.

#### 2.1.2. Yêu cầu cách ly

Ruộng nhân dòng bố, mẹ và ruộng sản xuất hạt giống ngô lai F<sub>1</sub> phải cách ly với các ruộng trồng ngô khác bằng một trong các phương pháp quy định tại Bảng 1.

**Bảng 1 - Yêu cầu cách ly**

Phương pháp, đơn vị tính	Ruộng nhân dòng bố, mẹ	Ruộng sản xuất hạt lai F <sub>1</sub>
1. Cách ly không gian, không nhỏ hơn, m - Giữa ruộng giống với các ruộng ngô khác, ít nhất - Giữa các ruộng sản xuất hạt lai F <sub>1</sub> có chung bố, ít nhất	500 -	300 5
2. Cách ly thời gian	Thời điểm phun râu của cây mẹ trong ruộng giống phải chênh lệch so với thời điểm tung phấn của các ruộng ngô khác ít nhất 20 ngày.	

#### 2.1.3. Yêu cầu độ thuần giống

Ruộng nhân dòng bố, mẹ, sản xuất hạt giống ngô lai F<sub>1</sub>, tại mỗi lần kiểm định phải đạt độ thuần giống theo quy định tại Bảng 2.

**Bảng 2 - Yêu cầu độ thuần giống**

Chỉ tiêu, đơn vị tính	Dòng bố, mẹ	Hạt lai F <sub>1</sub>
1. Độ thuần bố, % số cây, không nhỏ hơn	99,5	99,5
2. Độ thuần mẹ, % số cây, không nhỏ hơn	99,9	99,5
3. Số cây mẹ chưa khử hết cờ đang tung phấn tại lần kiểm định 3, % số cây, không lớn hơn	-	0,5

### 2.2. Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống

Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống ngô lai phải đáp ứng theo quy định tại Bảng 3.

**Bảng 3 - Chỉ tiêu chất lượng hạt giống**

Chỉ tiêu	Dòng bố, mẹ	Hạt lai F <sub>1</sub>
1. Độ sạch, % khối lượng, không nhỏ hơn	99,0	99,0
2. Tỷ lệ nảy mầm, % số hạt, không nhỏ hơn <sup>a</sup>	85	85

3. Độ ẩm, % khối lượng, không lớn hơn	11,5	11,5
Chú thích: <sup>a</sup> Đối với ngô đường, tỷ lệ nảy mầm không nhỏ hơn 80%		

### III. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA

#### 3.1. Phương pháp kiểm định

3.1.1. Các chỉ tiêu chất lượng của ruộng sản xuất giống ngô lai quy định tại 2.1 của quy chuẩn kỹ thuật này được kiểm định theo phương pháp quy định tại TCVN 8550:2018.

3.1.2. Số lần kiểm định ruộng giống ngô lai: ít nhất 4 lần tại các thời điểm sau:

- Lần 1: Khi cây được 5 lá đến 7 lá;
- Lần 2: Khi có 1% đến 5% số cây mẹ phun râu;
- Lần 3: Khi có khoảng 70% số cây mẹ phun râu;
- Lần 4: Trước khi thu hoạch từ 5 - 15 ngày.

#### 3.2. Phương pháp thử nghiệm

3.2.1. Phương pháp lấy mẫu lô hạt giống ngô lai theo TCVN 8548:2011.

3.2.2. Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống ngô lai quy định tại 2.2 của quy chuẩn kỹ thuật này được thử nghiệm theo phương pháp quy định tại TCVN 8548:2011.

#### 3.3. Phương pháp tiền kiểm

Việc thực hiện tiền kiểm (khi cần thiết) theo phương pháp quy định tại TCVN 8547:2011.

### IV. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

#### 4.1. Đánh giá hợp quy

4.1.1. Hình thức đánh giá hợp quy

- Đối với giống sản xuất trong nước: Đánh giá hợp quy do tổ chức, cá nhân sản xuất giống tự thực hiện hoặc do tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định thực hiện.
- Đối với giống nhập khẩu: Đánh giá hợp quy do tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định thực hiện theo quy định của Thông tư số 26/2019/TT-BNNPTNT.

4.1.2. Phương thức đánh giá hợp quy

- Đối với giống sản xuất trong nước: áp dụng theo phương thức 7 quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN sau khi đã đáp ứng các yêu cầu về kiểm định ruộng sản xuất lô giống qui định tại 3.1 và 4.1.4.
- Đối với giống nhập khẩu: áp dụng theo phương thức 7 quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN sau khi đã đáp ứng các yêu cầu về hồ sơ truy xuất nguồn gốc lô giống qui định tại 4.1.8.
- Nội dung, trình tự, nguyên tắc sử dụng phương thức đánh giá hợp quy thực hiện theo quy định tại Phụ lục II Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN.

4.1.3. Các bước đánh giá hợp quy lô giống

4.1.3.1. Các bước đánh giá hợp quy lô giống sản xuất trong nước như sau:

- Đánh giá kết quả kiểm định ruộng giống theo quy định tại 3.1 và 4.1.4;

## **QCVN 01-53 : 2024/BNNPTNT**

- Lấy mẫu lô giống theo quy định tại 3.2.1 và 4.1.5;
- Thử nghiệm mẫu giống theo quy định tại 3.2.2 và 4.1.6;
- Tiền kiểm (nếu cần thiết) theo quy định tại 3.3 và 4.1.7.

### 4.1.3.2. Các bước đánh giá hợp quy lô giống nhập khẩu như sau:

- Đánh giá hồ sơ truy xuất nguồn gốc lô giống theo quy định tại 4.1.8;
- Lấy mẫu lô giống theo quy định 3.2.1 và 4.1.5;
- Thử nghiệm mẫu giống theo quy định tại 3.2.2 và 4.1.6;
- Tiền kiểm (nếu cần thiết) theo quy định tại 3.3; 4.1.7

### 4.1.4. Kiểm định ruộng giống

4.1.4.1. Kiểm định ruộng giống do người kiểm định được tập huấn và cấp Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ kiểm định ruộng giống theo quy định tại Thông tư số 26/2019/TT-BNNPTNT thực hiện.

4.1.4.2. Biên bản kiểm định ruộng giống có nội dung theo mẫu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo qui chuẩn này và được lập tại lần kiểm định cuối cùng; số liệu kiểm định các lần trước đó có xác nhận của người kiểm định và đại diện chủ lô ruộng giống.

### 4.1.5. Lấy mẫu và lưu mẫu giống:

4.1.5.1. Lấy mẫu lô giống do người lấy mẫu được tập huấn và cấp Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ lấy mẫu vật liệu nhân giống theo quy định tại Thông tư số 26/2019/TT-BNNPTNT thực hiện.

4.1.5.2. Mỗi lô giống lấy mẫu đúp, một mẫu gửi tổ chức thử nghiệm được chỉ định để phân tích, một mẫu lưu tại cơ sở sản xuất, nhập khẩu lô giống đó. Đối với lô giống yêu cầu tiền kiểm phải lấy thêm một mẫu để tiền kiểm.

4.1.5.3. Biên bản lấy mẫu có nội dung theo mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo qui chuẩn này.

4.1.5.4. Mẫu hạt giống phải được bảo quản trong điều kiện thích hợp ít nhất 06 tháng, kể từ ngày nhận mẫu.

### 4.1.6. Thử nghiệm mẫu giống

4.1.6.1. Thử nghiệm mẫu giống do tổ chức thử nghiệm được chỉ định thực hiện.

4.1.6.2. Phiếu kết quả thử nghiệm có nội dung theo mẫu tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo qui chuẩn này.

### 4.1.7. Tiền kiểm

4.1.7.1. Áp dụng khi dựa vào mức độ cách ly, tỷ lệ cây khác dạng mà chưa khẳng định được tính đúng giống và độ thuần của lô giống trong quá trình kiểm định.

4.1.7.2. Báo cáo kết quả tiền kiểm có nội dung theo mẫu tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo qui chuẩn này.

### 4.1.8. Hồ sơ truy xuất nguồn gốc lô giống

Hồ sơ truy xuất nguồn gốc lô giống gồm: tên giống, cấp giống, nguồn gốc, khối lượng, tài liệu kiểm soát quá trình sản xuất của lô hạt giống; hợp đồng mua bán hạt giống; cửa khẩu nhập; thời gian nhập; danh mục hàng hóa (Packing list); hóa đơn (Invoice).

## **4.2. TỰ ĐÁNH GIÁ HỢP QUY**

4.2.1. Đánh giá hợp quy theo quy định tại 4.1.3.1.

4.2.2. Căn cứ kết quả kiểm định lô ruộng giống, lấy mẫu lô giống, thử nghiệm mẫu giống, kết quả tiền kiểm (nếu có), tổ chức, cá nhân sản xuất giống lập Báo cáo đánh giá hợp quy lô giống phù hợp quy chuẩn kỹ thuật theo mẫu tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo qui chuẩn này.

## **4.3. CHỨNG NHẬN HỢP QUY**

4.3.1. Chứng nhận hợp quy lô giống ngô do tổ chức chứng nhận hợp quy được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chỉ định thực hiện.

4.3.2. Việc chỉ định và quản lý hoạt động tổ chức chứng nhận hợp quy giống cây trồng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP. Chuyên gia đánh giá của tổ chức chứng nhận hợp quy ngoài việc đáp ứng quy định tại Khoản 3 Điều 17 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP phải có chuyên môn thuộc một trong các chuyên ngành về cây trồng, bảo vệ thực vật, sinh học và được tập huấn, cấp Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ về kiểm định hoặc lấy mẫu vật liệu nhân giống cây trồng theo quy định tại Thông tư số 26/2019/TT-BNNPTNT.

4.3.3. Trình tự chứng nhận hợp quy

4.3.3.1. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký chứng nhận hợp quy;

4.3.3.2. Đánh giá hợp quy theo quy định tại 4.1.3.1 hoặc 4.1.3.2;

4.3.3.3. Cấp giấy chứng nhận hợp quy lô giống theo nội dung thao mẫu tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo qui chuẩn này.

## **4.4. HỒ SƠ LÔ GIỐNG**

4.4.1. Hồ sơ lô giống được tổ chức chứng nhận cấp giấy chứng nhận hợp quy

4.4.1.1. Lô giống sản xuất trong nước: Biên bản kiểm định; biên bản lấy mẫu; kết quả thử nghiệm; kết quả tiền kiểm (nếu có); giấy chứng nhận hợp quy lô giống phù hợp quy chuẩn kỹ thuật.

4.4.1.2. Lô giống nhập khẩu: Tờ khai hải quan; tài liệu liên quan đến lô giống nhập khẩu gồm: tên giống, cấp giống, nguồn gốc, khối lượng, tài liệu kiểm soát quá trình sản xuất của lô hạt giống; hợp đồng mua bán hạt giống; cửa khẩu nhập; thời gian nhập; danh mục hàng hóa (Packing list); hóa đơn (Invoice); biên bản lấy mẫu; giấy chứng nhận hợp quy lô giống nhập khẩu, kết quả tiền kiểm (nếu có).

4.4.2. Hồ sơ lô giống do tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng tự đánh giá hợp quy gồm: Biên bản kiểm định; biên bản lấy mẫu; phiếu kết quả thử nghiệm mẫu của lô giống; báo cáo kết quả tiền kiểm (nếu có); báo cáo đánh giá hợp quy lô giống, hồ sơ công bố hợp quy và thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy của giống theo từng cấp giống..

## **QCVN 01-53 : 2024/BNNPTNT**

4.4.3. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu giống và tổ chức chứng nhận hợp quy lưu hồ sơ lô giống theo quy định tại 4.4.1, 4.4.2. Tổ chức, cá nhân buôn bán giống cây trồng lưu hồ sơ lô giống gồm: báo cáo tự đánh giá hợp quy lô giống hoặc giấy chứng nhận hợp quy lô giống; thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy của giống theo từng cấp giống.

### **4.5. Công bố hợp quy**

#### 4.5.1. Biện pháp công bố hợp quy

4.5.1.1 Đối với giống sản xuất trong nước: công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá hợp quy do tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng thực hiện hoặc kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận được chỉ định thực hiện.

4.5.1.2. Đối với giống nhập khẩu: công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định. Hoạt động công bố hợp quy đối với vật liệu nhân giống cam nhập khẩu là việc tổ chức, cá nhân thực hiện quy định về kiểm tra nhà nước giống cây trồng nhập khẩu theo quy định tại Thông tư 26/2019/TT-BNNPTNT.

4.5.2. Tổ chức, cá nhân sản xuất giống chỉ công bố hợp quy một lần cho một giống theo từng cấp giống. Khi có thay đổi về nội dung của ít nhất một thành phần hồ sơ công bố hợp quy đối với giống, cấp giống đã công bố thì tiến hành công bố lại.

#### 4.5.3. Hồ sơ công bố hợp quy

4.5.3.1. Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định, hồ sơ gồm:

- Bản công bố hợp quy theo mẫu tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo qui chuẩn này;
- Bản sao giấy chứng nhận hợp quy 01 lô giống đại diện cho một giống theo từng cấp giống kèm theo mẫu dấu hợp quy do tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp.

4.5.3.2. Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá hợp quy của tổ chức, cá nhân sản xuất giống, hồ sơ gồm:

- Bản công bố hợp quy theo mẫu tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo qui chuẩn này;
- Báo cáo đánh giá hợp quy của 01 lô giống đại diện cho một giống theo từng cấp giống trong vòng 6 tháng tính từ ngày phát hành;
- Bản sao biên bản kiểm định lô ruộng giống tương ứng;
- Bản sao biên bản lấy mẫu lô hạt giống tương ứng;
- Bản sao phiếu kết quả thử nghiệm của 01 lô giống của cùng lô ruộng giống tương ứng đại diện cho một giống theo từng cấp giống trong vòng 6 tháng tính từ ngày phát hành phiếu kết quả thử nghiệm của tổ chức thử nghiệm được chỉ định tính đến thời điểm nộp hồ sơ công bố hợp quy.

#### 4.5.4. Trình tự công bố hợp quy

4.5.4.1. Tổ chức, cá nhân công bố hợp quy lập 02 bộ hồ sơ công bố hợp quy; 01 bộ hồ sơ lưu tại tổ chức, cá nhân công bố hợp quy; 01 bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi tổ chức, cá nhân có trụ sở chính đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng.

4.5.4.2. Xử lý hồ sơ công bố hợp quy thực hiện theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 28/2012/TT-BKHCHN.



4.5.4.3. Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy có nội dung theo mẫu tại Phụ lục 8.

**4.6. Dấu hợp quy và sử dụng dấu hợp quy:**

Dấu hợp quy và sử dụng dấu hợp quy thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 28/2012/TT-BKHCHN.

**4.8. Qui định chuyển tiếp**

- Đối với lô giống đã được sản xuất, nhập khẩu, tự đánh giá hợp quy hoặc chứng nhận hợp quy được tiếp tục sử dụng đến khi tiêu thụ hết lô giống.
- Đối với bao bì đã in trước thời điểm Quy chuẩn kỹ thuật này có hiệu lực được tiếp tục sử dụng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày quy chuẩn kỹ thuật này có hiệu lực.

**V. TRÁNH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

5.1. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, sản xuất hạt giống ngô phải công bố tiêu chuẩn áp dụng và không được trái với quy định tại Phần II của Quy chuẩn này; thực hiện việc tự đánh giá hợp quy hoặc chứng nhận hợp quy; công bố hợp quy; lưu hồ sơ theo quy định của Quy chuẩn này; đặt mã hiệu lô giống theo quy định tại Nghị định số 94/2019/NĐ-CP, quản lý giống ngô theo lô và in mã hiệu lô giống trên bao bì.

5.2. Tổ chức, cá nhân buôn bán giống ngô phải đảm bảo chất lượng giống và lưu hồ sơ theo quy định tại Quy chuẩn này và Nghị định số 94/2019/NĐ-CP.

**VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

6.1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao Cục Trồng trọt: hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện quy chuẩn kỹ thuật này; trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn điều chỉnh, bổ sung Quy chuẩn kỹ thuật này khi cần thiết; chỉ định và quản lý hoạt động tổ chức thử nghiệm, tổ chức chứng nhận hợp quy giống ngô trên phạm vi cả nước; kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đánh giá hợp quy, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy giống ngô trên cả nước.

6.2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm: tổ chức kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đánh giá hợp quy, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy giống ngô trên địa bàn; tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy, thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của tổ chức, cá nhân sản xuất giống ngô trên địa bàn và gửi 01 bản về Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp.

6.3. Người kiểm định, người lấy mẫu, tổ chức thử nghiệm, tổ chức chứng nhận hợp quy giống ngô có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Quy chuẩn này.

6.4 Trong trường hợp các tiêu chuẩn, văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại quy chuẩn kỹ thuật này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

Phụ lục 01  
**BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH GIỐNG CÂY TRỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....,ngày.....tháng .....năm ....

**BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH GIỐNG CÂY TRỒNG**

Số: /BBKD-

- Tên người kiểm định: Mã số/Số CMND người kiểm định:  
- Đơn vị công tác (nếu có):  
- Địa chỉ : Điện thoại : Fax: E-mail:

**A. Thông tin chung:**

1. Chủ lô ruộng giống:

- Địa chỉ: Điện thoại: Fax: Email:

2. Loài cây trồng: Tên giống: Cấp giống:

3. Địa điểm sản xuất:

4. Mã lô ruộng giống:

5. Diện tích lô ruộng giống kiểm định: ha

6. Nguồn giống:

- Tổ chức, cá nhân sản xuất & cung ứng: - Mã lô giống:

- Tổ chức chứng nhận hợp quy/Tổ chức tự đánh giá hợp quy:

- Mã số Giấy chứng nhận hợp quy/Báo cáo tự đánh giá hợp quy: - Ngày cấp/lập:

7. Cây trồng vụ trước:

**B. Kết quả kiểm định:** Phương pháp kiểm định: TCVN 8550:2018

+ Lần 1:

+ Lần 2:

.....

**C. Kết luận:**

- Diện tích lô ruộng giống kiểm định phù hợp QCVN: ha;

- Sản lượng dự kiến (tạ/tấn):

- Diện tích lô ruộng giống kiểm định không phù hợp QCVN: ha:

**D. YÊU CẦU KHÁC**

**Đại diện chủ lô ruộng  
giống**  
(Ký tên, đóng dấu nếu có)

**Người kiểm định**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

**Thủ trưởng đơn vị kiểm định**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục 02**  
**BIÊN BẢN LẤY MẪU**

**TÊN ĐƠN VỊ LẤY MẪU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm...

**BIÊN BẢN LẤY MẪU GIỐNG CÂY TRỒNG**

Số ...../BBLM-.....

Tên tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu giống.....

- Địa chỉ : Điện thoại : Fax: E-mail:

Địa điểm lấy mẫu: .....

Họ tên người lấy mẫu: .....Mã số/ Số CMND: .....

Đơn vị công tác (nếu có): .....

Ngày/tháng/ năm lấy mẫu: ..... Phương pháp lấy mẫu:.....

STT	Loài cây trồng	Tên giống cây trồng	Mã lô giống	Khối lượng lô giống (tấn)	Số lượng bao chứa (bao)	Xử lý hóa chất (có/ không)	Khối lượng mẫu lấy (kg)	Ký hiệu mẫu	Điều kiện bảo quản mẫu

Tôi .....(người lấy mẫu) cam đoan việc lấy mẫu đã được tiến hành đúng theo phương pháp quy định.

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, đã được các bên thông qua, mỗi bên giữ 01 bản.

**Đại diện đơn vị được lấy mẫu**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

**Người lấy mẫu**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Phụ lục 03**  
**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM MẪU HẠT GIỐNG**

**TÊN TỔ CHỨC THỬ NGHIỆM** **Lô gô (nếu có)**  
Địa chỉ:           ĐT:       Fax:    Email: Web:  
Mã số:  
Số Quyết định chỉ định:  
Mã số công nhận PKN(nếu có):

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM MẪU HẠT GIỐNG**  
**Mã số thử nghiệm:**

**I. THÔNG TIN VỀ MẪU GIỐNG**

Tên khách hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Loài cây trồng:

Tên giống:

Cấp giống:

Nơi sản xuất:

Thời gian thu hoạch

Biên bản kiểm định (đối với giống sản xuất trong nước): (Số ký hiệu, ngày tháng năm)

Họ tên người kiểm định:

Mã số/Số CMND:

Mã lô giống:

Họ tên người lấy mẫu

Khối lượng lô giống:

Mã số/Số CMND:

Số lượng bao chứa:

Ngày lấy mẫu:

Chất lượng bao bì:

Ngày nhận mẫu:

Tờ khai hải quan (đối với hàng nhập khẩu)

Khối lượng mẫu:

Ngày cấp:

Phương pháp lấy mẫu:

**II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM:** Phương pháp thử nghiệm theo TCVN 8548:2011

Độ sạch (% khối lượng)	Tỷ lệ nảy mầm (%)	Độ ẩm (% khối lượng)

**III. NHẬN XÉT KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

... phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật số...

... không phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật số...

Ngày.....tháng.....năm .....

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM**

**GIÁM ĐỐC**

**Phụ lục 04**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ TIỀN KIỂM**

**TÊN ĐƠN VỊ THỰC HIỆN TIỀN KIỂM**      **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

....., ngày      tháng      năm

**BÁO CÁO KẾT QUẢ TIỀN KIỂM**

Địa điểm:

Thời vụ:

**1. Vật liệu**

**2. Phương pháp tiền kiểm**

2.1. Bố trí thí nghiệm

2.2. Theo dõi và đánh giá

**3. Kết quả**

3.1. Về tính đúng giống

3.2. Về độ thuần của giống

**4. Kết luận và đề nghị**

4.1. Kết luận

- Về tính đúng giống

- Về độ thuần của giống

4.2. Đề nghị

**Nơi nhận:**

- Cục Trồng trọt;
- Đơn vị có mẫu tiền kiểm;
- Lưu.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**Phụ lục 05**  
**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỢP QUY LÔ GIỐNG CÂY TRỒNG**

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)  
TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../BCĐGHQ-.....

....., ngày ... tháng .... năm .....

**BÁO CÁO**  
**ĐÁNH GIÁ HỢP QUY LÔ GIỐNG CÂY TRỒNG**

1. Tổ chức, cá nhân báo cáo:.....

Địa chỉ, Điện thoại, Fax, Email, Website

2. Tên loài, tên giống cây trồng, cấp giống:

3. Số hiệu quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: .....

4. Mã lô giống được đánh giá hợp quy:

5. Kết quả đánh giá:

5.1. Kiểm định ruộng giống

- Ngày kiểm định:

- Địa điểm kiểm định:

- Họ và tên người kiểm định:

- Đơn vị quản lý người kiểm định:

- Biên bản kiểm định số: ngày tháng năm

- Kết quả kiểm định: Diện tích lô ruộng giống kiểm định phù hợp QCVN: ha; Sản lượng dự kiến (tạ/tán):

5.2. Thử nghiệm mẫu

- Ngày lấy mẫu:

- Địa điểm lấy mẫu:

- Họ và tên người lấy mẫu:

- Đơn vị quản lý người lấy mẫu:

- Tên tổ chức thử nghiệm:

- Phiếu kết quả thử nghiệm mẫu giống số: ngày tháng năm

- Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu chất lượng đạt yêu cầu theo QCVN:

6. Các nội dung khác (nếu có):.....

7. Kết luận:

Lô giống ..., cấp giống ... có chất lượng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật số .....do Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành ngày tháng năm .

...(tổ chức, cá nhân)... cam kết chất lượng lô giống.... phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và kết quả tự đánh giá.

**Người lập báo cáo**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**Xác nhận của lãnh đạo tổ chức/cá nhân**  
(ký tên, chức vụ, đóng dấu)

**Phụ lục 06**

**GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY LÔ GIỐNG**

**TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN**

**Lô gô (nếu có)**

Tên Tổ chức chứng nhận:

Địa chỉ:

ĐT:

Fax:

Email:

Website:

Mã số

Số Quyết định chỉ định:

Mã số công nhận (nếu có):

**GIẤY CHỨNG NHẬN LÔ GIỐNG  
PHÙ HỢP QUY CHUẨN KỸ THUẬT**

Số:...../GCNHQ-

**I. CÁC THÔNG TIN VỀ LÔ GIỐNG:**

Chủ lô giống:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Tên cây trồng:

Tên giống:

Cấp giống:

Nơi sản xuất:

Thời gian thu hoạch:

Biên bản kiểm định (đối với giống sản xuất trong nước): (Số ký hiệu, ngày tháng năm)

Họ tên người kiểm định:

Mã số/Số CMND

Mã lô giống:

Họ tên người lấy mẫu:

Khối lượng lô giống:

Mã số/Số CMND:

Số lượng bao chứa:

Ngày lấy mẫu:

Chất liệu bao bì:

Ngày nhận mẫu:

Tờ khai hải quan số (đối với hàng nhập khẩu)

Phương pháp lấy mẫu:

Ngày cấp:

Khối lượng mẫu gửi:

**II. KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH RUỘNG GIỐNG** (Trường hợp giống sản xuất trong nước): Phương pháp kiểm định theo TCVN 8550:2018

Phù hợp QCVN theo biên bản kiểm định: (Số ký hiệu, ngày/tháng/năm).....

Đơn vị kiểm định:.....

**III. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM:** Phương pháp thử nghiệm theo TCVN 8548:2011

- Mã số thử mẫu:

- Mã số tổ chức thử nghiệm:

- **Kết quả thử nghiệm:**

<b>Độ sạch (% khối lượng)</b>	<b>Tỷ lệ nảy mầm (%)</b>	<b>Độ ẩm (% khối lượng)</b>

**IV. KẾT LUẬN:**

Lô giống... cấp giống... phù hợp/không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật số ..... do Bộ Nông nghiệp và PTNT (tên) ngày tháng năm

**Tổ chức chứng nhận  
Thủ trưởng  
(Ký tên, đóng dấu)**

Phụ lục 07  
**BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

**BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY**  
Số .....

Tên tổ chức, cá nhân: .....  
Địa chỉ: .....  
Điện thoại: ..... Fax: .....  
E-mail: .....

**CÔNG BỐ:**

Giống cây trồng (loài, tên giống, cấp giống, đặc tính của giống)  
.....

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật (*số hiệu, ký hiệu, tên gọi*)  
.....  
.....

Thông tin bổ sung (*căn cứ công bố hợp quy, phương thức đánh giá sự phù hợp,...*):  
.....

Hình thức đánh giá hợp quy :

+ Tổ chức chứng nhận đánh giá (bên thứ ba): Tên tổ chức chứng nhận được chỉ định, số giấy chứng nhận, ngày cấp giấy chứng nhận;;

+ Tự đánh giá (bên thứ nhất): Số ký hiệu báo cáo, ngày lãnh đạo tổ chức, cá nhân ký xác nhận báo cáo tự đánh giá.

.... (Tên tổ chức, cá nhân) .... cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của (loài, tên giống, cấp giống) do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác.

....., ngày ... tháng ... năm ....  
**Đại diện Tổ chức, cá nhân**  
(*Ký tên, chức vụ, đóng dấu*)



Phụ lục 08

THÔNG BÁO TIẾP NHẬN HỒ SƠ CÔNG BỐ HỢP QUY

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
TÊN CƠ QUAN TIẾP NHẬN  
CÔNG BỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../TB-.....

....., ngày ... tháng .... năm .....

THÔNG BÁO  
TIẾP NHẬN HỒ SƠ CÔNG BỐ HỢP QUY

..... (Tên cơ quan tiếp nhận công bố) ..... xác nhận đã tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy số .... ngày ..... tháng ..... năm ..... của:..... (tên tổ chức, cá nhân) .....

địa chỉ tổ chức, cá nhân: .....

cho Giống cây trồng (loài, tên giống, cấp giống, đặc tính của giống) : .....

phù hợp quy chuẩn kỹ thuật (số hiệu, ký hiệu, tên gọi của quy chuẩn kỹ thuật)

Thông báo này ghi nhận sự cam kết của tổ chức, cá nhân. Thông báo này không có giá trị chứng nhận cho giống ngô ..... phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

(Tên tổ chức, cá nhân) ..... phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của giống ngô... do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác.

**Nơi nhận:**

- Tổ chức, cá nhân;
- Cơ quan chủ quản (để báo cáo);
- Lưu: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

**Đại diện có thẩm quyền của  
Cơ quan tiếp nhận công bố**  
(ký tên, chức vụ, đóng dấu)